

Bản tin Phân tích kỹ thuật

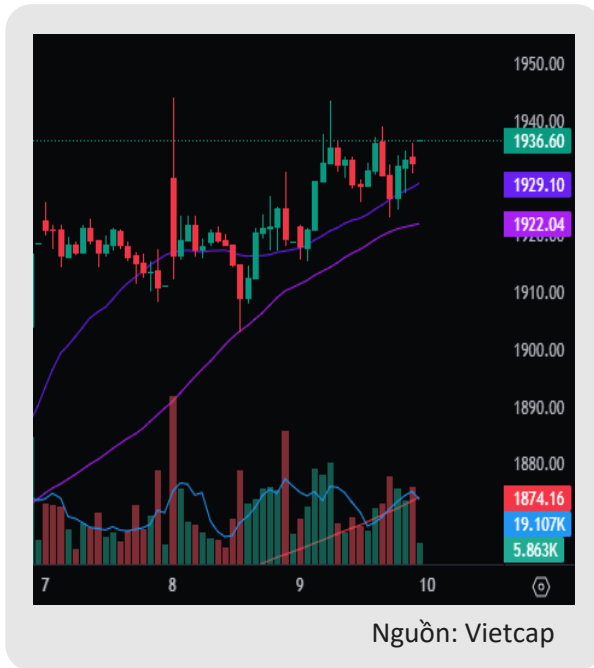
09/10/2025



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- Mặc dù giữ tín hiệu tăng giá về cuối ngày nhưng đà tăng ở 4111FA000 tiếp tục gặp trở ngại quanh mức giá cao phiên 08/10 (vùng 1.943 điểm), tạo nên diễn biến giằng co. (M15)
- Vị thế bán được mở với mục tiêu kiểm định lại vùng giá 1.929 điểm, dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa vượt ngưỡng 1.944 điểm. (M15)

Chiến lược:

- Bán (S): 1.939 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.929 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.944 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tích cực	Tích cực
VN30	Tích cực	Tích cực
VNMid	Trung tính	Tích cực
VNSmall	Tiêu cực	Trung tính
HNX	Trung tính	Tích cực

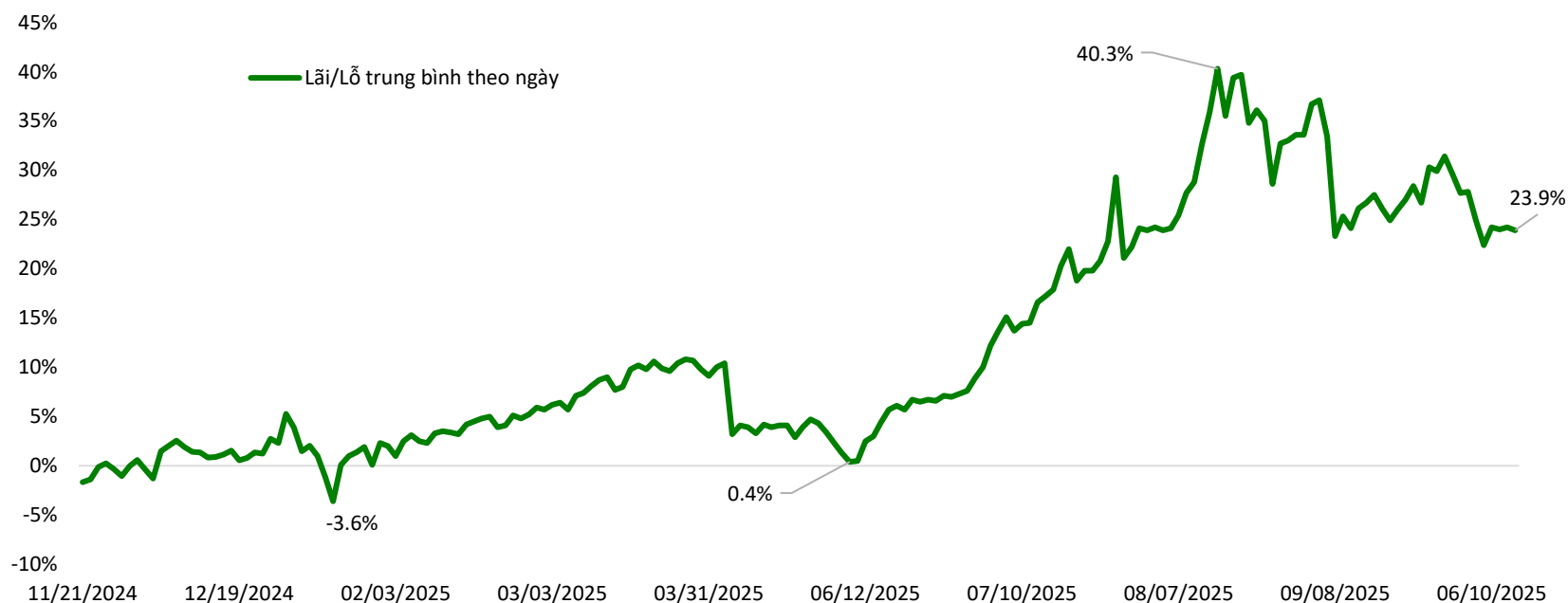


Nguồn: Vietcap

- Chỉ số VN-Index đóng cửa quanh mức cao mới, chưa ghi nhận lực chốt lãi bất thường và có sự cải thiện ở hoạt động mua giá cao trên nhóm vốn hóa lớn so với các phiên giao dịch trước. Trong ngắn hạn, VN-Index và chỉ số VN30 có tín hiệu Tích cực, các chỉ số VNMidcap, VNSmallcap và HNX-Index tạm chưa cải thiện tín hiệu bởi chưa hình thành đà tăng ổn định trong các phiên vừa qua.
- Phần lớn các nhóm ngành đều cải thiện tín hiệu kỹ thuật ở phiên 06/10. Tại phiên 09/10, chỉ nhóm Ngân hàng giữ được cấu trúc tăng ổn định trong ngắn và trung hạn, phần lớn các nhóm ngành còn lại đều diễn biến đi ngang, chưa tiếp tục cải thiện nhưng cũng không chuyển biến xấu. Về hoạt động giao dịch, lực cầu trong phiên gia tăng đồng đều ở cổ phiếu Ngân hàng và Dầu khí, không ghi nhận lực bán bất thường quanh vùng đỉnh ở các nhóm ngành còn lại.
- Vùng 1.690-1.695 điểm (quanh đường MA5) sẽ hỗ trợ cho đà tăng ngắn hạn trên VN-Index trong ngày mai và đồng thời đóng vai trò là ngưỡng dừng lỗ/giảm tỷ trọng cho các vị thế mở mới ngắn hạn. Biên độ 1.710-1.735 điểm tiếp tục là vùng chốt lãi (50% tỷ trọng) cho các vị thế ngắn hạn đã tiếp cận hoặc vượt vùng giá cao trước điều chỉnh (05/09).

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
HPG	25/09/2025		Đang mở	28,950	29,050	-0.3%	27,600			



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VHM	115,000	6.98%	16.63%	472,352	7.166	6,984	2.2	16.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTG	55,000	3.97%	6.80%	295,350	2.549	5,608	1.8	9.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPB	32,100	3.22%	6.47%	254,679	1.781	2,193	1.7	14.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCB	63,800	-1.24%	3.48%	533,092	-1.435	4,148	2.5	15.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BSR	28,450	6.95%	6.95%	88,209	1.334	-16	1.6	-1,768.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
VIC	179,500	0.79%	4.97%	691,616	1.182	3,487	4.8	51.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MBB	27,350	1.86%	2.05%	220,304	0.892	3,046	1.8	9.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VRE	38,000	4.68%	19.69%	86,348	0.879	1,937	2.0	19.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	134,400	6.92%	8.65%	49,190	0.740	5,389	7.2	24.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SHB	17,900	3.47%	5.29%	82,227	0.620	2,388	1.3	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCB	38,950	0.91%	0.26%	276,009	0.544	3,017	1.8	12.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BID	40,800	0.87%	1.75%	286,472	0.539	3,683	1.8	11.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
LPB	51,200	-1.54%	-0.78%	152,949	-0.512	3,324	3.8	15.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GVR	28,000	2.00%	2.56%	112,000	0.488	1,331	2.0	21.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	28,950	-0.86%	3.02%	222,205	-0.414	1,750	1.8	16.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
CEO	25,900	4.02%	5.28%	14,696	0.616	354	2.4	73.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
IDC	38,900	3.46%	0.78%	14,763	0.532	3,977	2.6	9.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	33,400	3.09%	2.77%	15,964	0.514	2,644	1.1	12.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSF	90,400	-0.55%	5.85%	81,341	-0.467	697	16.8	129.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MBS	34,600	-1.14%	3.59%	22,791	-0.272	1,498	3.1	23.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NTP	63,900	2.08%	1.11%	10,929	0.237	5,384	2.9	11.9	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
DTK	12,500	1.63%	-0.79%	8,535	0.145	1,131	1.0	11.1	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
PGS	46,500	5.68%	3.33%	2,325	0.138	2,368	2.4	19.6	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SCG	65,500	-1.95%	-1.21%	5,568	-0.113	2,491	3.8	26.3	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HUT	17,000	0.59%	0.59%	18,161	0.112	175	2.1	97.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MCH	134,200	1.82%	4.76%	141,122	0.265	9,005	8.4	14.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
ACV	55,500	-1.25%	0.36%	198,740	-0.255	2,751	3.1	20.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MVN	52,000	-1.89%	-1.89%	62,311	-0.121	1,312	4.7	39.6	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
SEA	46,600	-13.38%	-2.92%	6,163	-0.085	1,435	2.5	34.4	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DNH	48,100	-3.80%	6.42%	20,317	-0.080	2,587	3.9	18.6	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSR	25,200	2.44%	6.78%	27,984	0.070	-707	2.3	-36.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGI	68,500	-0.29%	0.59%	208,212	-0.063	1,913	5.6	35.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FOX	64,000	-1.08%	0.00%	47,582	-0.053	4,151	5.0	15.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
BWS	34,500	14.62%	8.49%	3,450	0.052	2,586	3.2	13.3	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VNZ	398,000	2.05%	1.71%	11,692	0.025	-13,183	13.6	-30.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

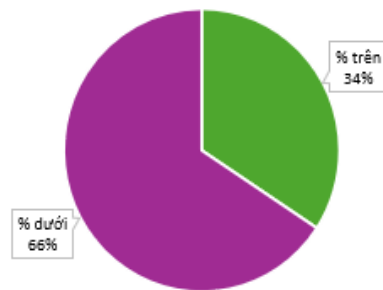
VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VHM	115,000	7.0%	1475.0	507.9	37,750	107,500	2.2	16.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTG	55,000	4.0%	1155.2	501.0	33,100	52,900	1.8	9.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MWG	81,500	0.9%	631.5	666.6	45,593	80,800	4.1	24.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
STB	60,000	0.2%	578.7	521.8	31,950	59,900	1.9	9.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VRE	38,000	4.7%	975.2	243.0	16,100	36,300	2.0	19.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	134,400	6.9%	369.9	75.3	22,606	129,795	7.2	24.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	25,200	2.4%	57.0	47.2	10,400	24,600	2.3	-36.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ANV	32,700	1.4%	101.8	111.1	12,400	32,250	2.7	17.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HHS	19,700	3.1%	109.7	102.5	6,940	19,100	0.9	2.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BCG	2,530	-0.8%	37.2	21.4	2,550	6,700	0.2	4.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HAX	12,050	-2.0%	9.7	11.4	12,150	17,600	1.2	13.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

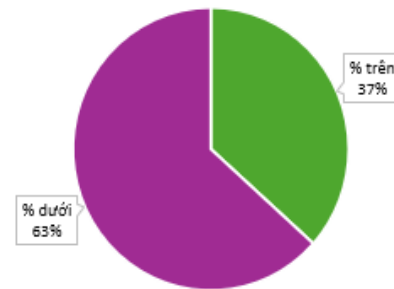
KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DP3	53,000	0.0%	10.3	1.0	51,700	59,760	2.2	9.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
SCS	58,100	-3.3%	69.2	17.3	49,995	81,099	4.1	8.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
GEE	134,400	6.9%	369.9	75.3	22,606	129,795	7.2	24.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BSR	28,450	7.0%	585.3	257.5	14,550	29,900	1.6	-1,768.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

MA20



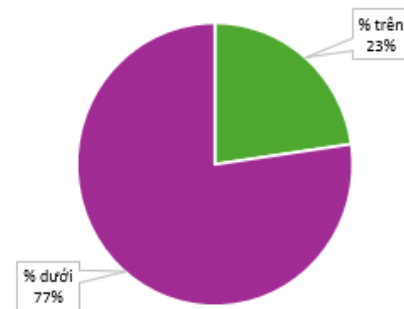
MA50



MA200



MA20, 50, 200



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			09/10/2025	08/10/2025	07/10/2025	06/10/2025	03/10/2025	02/10/2025	01/10/2025	30/09/2025	29/09/2025	26/09/2025	25/09/2025	24/09/2025	23/09/2025	22/09/2025	19/09/2025	18/09/2025
VNINDEX	MA200	Trên	63%	62%	61%	63%	61%	61%	64%	63%	65%	66%	67%	67%	65%	66%	68%	68%
		Dưới	37%	38%	39%	37%	39%	39%	36%	37%	35%	34%	33%	33%	35%	34%	32%	32%
	MA50	Trên	38%	38%	37%	39%	31%	34%	41%	40%	46%	50%	51%	50%	47%	48%	54%	55%
		Dưới	62%	62%	63%	61%	69%	66%	59%	60%	54%	50%	49%	50%	53%	52%	46%	45%
	MA20	Trên	34%	32%	29%	37%	22%	24%	28%	27%	33%	38%	43%	38%	35%	35%	45%	45%
		Dưới	66%	68%	71%	63%	78%	76%	72%	73%	67%	62%	57%	62%	65%	65%	55%	55%
VN30	MA200	Trên	77%	77%	77%	77%	73%	77%	77%	77%	77%	80%	80%	77%	77%	80%	83%	83%
		Dưới	23%	23%	23%	23%	27%	23%	23%	23%	23%	20%	20%	23%	23%	20%	17%	17%
	MA50	Trên	63%	63%	63%	67%	33%	50%	60%	50%	57%	60%	63%	67%	60%	57%	67%	77%
		Dưới	37%	37%	37%	33%	67%	50%	40%	50%	43%	40%	37%	33%	40%	43%	33%	23%
	MA20	Trên	70%	57%	50%	70%	20%	27%	27%	27%	17%	13%	17%	20%	20%	10%	30%	47%
		Dưới	30%	43%	50%	30%	80%	73%	73%	73%	83%	87%	83%	80%	80%	90%	70%	53%
HNX	MA200	Trên	55%	55%	55%	56%	54%	55%	56%	57%	57%	57%	59%	59%	59%	59%	60%	61%
		Dưới	45%	45%	45%	44%	46%	45%	44%	43%	43%	43%	41%	41%	41%	41%	40%	39%
	MA50	Trên	38%	38%	37%	41%	35%	37%	37%	40%	40%	42%	47%	43%	42%	44%	49%	51%
		Dưới	62%	62%	63%	59%	65%	63%	63%	60%	60%	58%	53%	57%	58%	56%	51%	49%
	MA20	Trên	55%	55%	55%	56%	54%	55%	56%	57%	57%	57%	59%	59%	59%	59%	60%	61%
		Dưới	45%	45%	45%	44%	46%	45%	44%	43%	43%	43%	41%	41%	41%	41%	40%	39%
UPCOM	MA200	Trên	34%	35%	33%	35%	31%	33%	34%	34%	35%	36%	34%	32%	31%	32%	36%	34%
		Dưới	66%	65%	67%	65%	69%	67%	66%	66%	65%	64%	66%	68%	69%	68%	64%	66%
	MA50	Trên	36%	36%	35%	36%	34%	36%	36%	36%	34%	34%	33%	34%	32%	34%	36%	36%
		Dưới	64%	64%	65%	64%	66%	64%	64%	64%	66%	66%	67%	66%	68%	66%	64%	64%
	MA20	Trên	45%	45%	45%	45%	44%	45%	45%	46%	45%	46%	46%	46%	45%	46%	47%	46%
		Dưới	55%	55%	55%	55%	56%	55%	55%	54%	55%	54%	54%	54%	55%	54%	53%	54%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17	Tháng 10										Tháng 9									
	09 ↓	08	07	06	05	04	03	02	01	30	29	28	27	26	25	24	23	22	21	20
1 Ngân hàng	74	71	73	65	59	59	58	58	57	63	64	61	54	54	67	70	72	74	73	76
2 Bất động sản	62	61	61	55	54	59	64	68	69	72	70	67	65	63	63	64	67	72	71	73
3 Dịch vụ tài chính	62	63	63	51	44	49	50	48	48	60	61	57	51	54	60	62	64	65	67	68
4 Thực phẩm và đồ uống...	62	60	61	57	53	56	55	52	52	59	60	59	56	58	60	62	65	67	63	61
5 Xây dựng và Vật liệu	62	63	62	56	56	59	62	66	70	75	74	67	61	60	55	55	56	65	62	57
6 Y tế	62	62	58	56	56	58	63	63	66	67	70	67	62	60	60	61	62	64	62	56
7 Bán lẻ	59	55	53	42	37	39	42	40	43	51	55	51	47	54	50	55	59	58	54	47
8 Tài nguyên Cơ bản	58	59	61	58	57	55	58	64	68	71	73	72	69	69	69	70	72	73	71	66
9 Du lịch và Giải trí	54	55	45	40	38	47	47	45	43	44	44	44	46	46	51	45	48	47	49	45
10 Bảo hiểm	50	51	56	51	52	54	59	54	52	50	44	43	44	47	50	53	56	58	59	67
11 Hàng & Dịch vụ Cỗn...	47	47	50	45	41	42	43	45	43	52	51	48	47	48	49	49	50	53	53	50
12 Điện, nước & xăng d...	44	44	45	45	45	48	50	50	52	55	56	54	57	56	57	55	56	57	50	52
13 Dầu khí	41	34	36	31	33	35	35	44	48	51	49	46	43	42	46	53	56	52	51	55
14 Ô tô và phụ tùng	41	40	40	38	38	40	39	40	42	48	49	47	45	46	50	51	52	57	52	51
15 Hóa chất	37	35	36	34	34	38	38	40	43	48	49	44	43	42	43	46	48	52	48	42
16 Hàng cá nhân & Gia ...	31	31	33	26	25	26	28	32	35	40	41	45	47	57	55	56	60	64	56	48
17 Công nghệ Thông tin	30	29	31	29	29	28	30	35	36	46	52	50	51	54	58	61	58	50	44	40

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	179,500	0.8%	5.0%	691,616	4.8	51.5	3,487	740.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCB	63,800	-1.2%	3.5%	533,092	2.5	15.4	4,148	368.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	115,000	7.0%	16.6%	472,352	2.2	16.5	6,984	1,475.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTG	55,000	4.0%	6.8%	295,350	1.8	9.8	5,608	1,155.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCB	38,950	0.9%	0.3%	276,009	1.8	12.9	3,017	728.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPB	32,100	3.2%	6.5%	254,679	1.7	14.6	2,193	1,236.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPL	87,200	0.7%	8.6%	156,376	5.0	59.5	1,465	114.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MCH	134,200	1.8%	4.8%	141,122	8.4	14.8	9,005	35.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
ACB	26,950	0.7%	4.7%	138,433	1.6	8.2	3,305	438.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VNM	62,900	-0.8%	2.8%	131,458	4.1	15.3	4,101	207.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
MWG	81,500	0.9%	5.7%	120,494	4.1	24.7	3,304	631.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
STB	60,000	0.2%	2.2%	113,113	1.9	9.8	6,148	578.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	31,650	0.6%	2.6%	110,619	1.8	7.7	4,094	485.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VRE	38,000	4.7%	19.7%	86,348	2.0	19.6	1,937	975.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SSI	40,650	-1.3%	7.4%	84,386	3.0	25.9	1,568	1,364.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SHB	17,900	3.5%	5.3%	82,227	1.3	7.5	2,388	3,395.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	40,100	0.3%	2.0%	53,159	1.8	7.1	5,656	11.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TPB	20,000	2.8%	6.4%	52,839	1.4	8.3	2,423	846.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEX	55,500	0.5%	2.4%	50,083	3.4	32.0	1,736	1,104.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
GEE	134,400	6.9%	8.6%	49,190	7.2	24.9	5,389	369.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BCG	2,530	-0.8%	-21.7%	2,227	0.2	4.8	532	37.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCD	1,890	3.3%	-21.6%	635	0.2	8.9	212	5.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	55,500	-1.2%	0.4%	198,740	3.1	20.2	2,751	31.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	94,200	-0.3%	2.3%	160,470	4.8	18.5	5,092	537.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VTP	94,600	-1.8%	-1.0%	11,521	6.9	28.5	3,317	43.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTR	82,900	-0.8%	-1.2%	9,483	4.8	16.8	4,930	19.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCS	58,100	-3.3%	-4.8%	5,513	4.1	8.3	7,004	69.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
TCM	29,350	0.2%	-1.0%	3,288	1.4	10.9	2,693	38.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ELC	22,500	-0.9%	-0.9%	2,359	2.0	19.8	1,138	6.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SGR	21,800	6.9%	-5.8%	1,523	1.1	7.7	2,838	21.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LHG	30,050	0.2%	-2.4%	1,503	0.9	5.2	5,808	7.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SAB	45,600	-0.8%	0.4%	58,485	2.7	14.3	3,185	25.5	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PLX	34,100	0.4%	0.3%	43,327	1.7	20.5	1,661	41.4	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FTS	35,850	-0.7%	3.6%	12,422	2.9	26.6	1,348	40.8	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VHC	55,200	0.0%	2.2%	12,390	1.3	8.6	6,444	32.5	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	33,450	0.1%	-1.6%	6,021	1.9	16.9	1,978	27.2	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CSV	31,000	-0.3%	-0.5%	3,425	2.3	14.3	2,174	11.6	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TV2	34,600	0.0%	-0.3%	2,336	1.8	32.5	1,065	6.3	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VOS	13,500	0.4%	1.5%	1,890	1.1	-28.3	-477	11.8	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TIG	8,400	0.0%	-2.3%	1,626	0.8	16.0	526	6.1	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
NLG	39,100	0.51%	0.26%	58,600	49.9%	1,709	1.6	22.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VHC	55,200	0.00%	2.22%	81,700	48.0%	6,444	1.3	8.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	32,450	0.15%	-1.67%	47,100	45.1%	716	2.1	45.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
IDC	38,900	3.46%	0.78%	56,100	44.2%	3,977	2.6	9.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	34,100	0.44%	0.29%	47,800	40.2%	1,661	1.7	20.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	93,500	-0.95%	1.85%	126,000	34.8%	8,175	2.4	11.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	55,500	-1.25%	0.36%	74,300	33.9%	2,751	3.1	20.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	55,500	1.09%	1.28%	73,900	33.2%	5,215	2.9	10.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	15,300	0.00%	-1.29%	20,000	30.7%	85	0.8	180.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực
FPT	94,200	-0.32%	2.28%	121,200	28.7%	5,092	4.8	18.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACG	35,800	-0.56%	0.56%	45,800	27.9%	2,940	1.3	12.2	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
SAB	45,600	-0.76%	0.44%	58,000	27.2%	3,185	2.7	14.3	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DCM	36,700	1.80%	2.80%	46,600	27.0%	3,186	1.9	11.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
PC1	24,500	-1.01%	-1.21%	31,100	26.9%	1,189	1.5	20.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TV2	34,600	0.00%	-0.29%	43,900	26.9%	1,065	1.8	32.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	33,450	0.15%	-1.62%	42,400	26.8%	1,978	1.9	16.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	20,550	-0.48%	2.24%	26,000	26.5%	350	1.7	58.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GAS	60,900	0.00%	1.00%	76,100	25.0%	5,002	2.2	12.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	85,000	1.19%	2.29%	105,900	24.6%	6,115	2.4	13.9	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tiêu cực
PVS	33,400	3.09%	2.77%	41,600	24.6%	2,644	1.1	12.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Tuan Nhan

**Managing Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 107

tuan.nhan@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn